

Số: 24/2023/QĐST-HNGĐ

Đà Lạt, ngày 16 tháng 8 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ LẠT, TỈNH LÂM ĐỒNG

Căn cứ Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;
Căn cứ các Điều 51, Điều 55, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84
Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban
thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử
dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc hôn nhân gia đình thụ lý số 530/2023/TB-TA
ngày 20 tháng 7 năm 2023 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, nuôi
con gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu*: Chị **Lê Thị Đ**, sinh năm: 1995.

Địa chỉ: Số 20, đường X V N T, Phường G, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng.

- *Người yêu cầu*: Anh **Phạm Văn H**, sinh năm: 1996.

Địa chỉ: Số 16/3, đường H D, Phường D, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị Đ và anh Phạm Văn H xây dựng
gia đình với nhau vào năm 2019, trên cơ sở tìm hiểu, tự nguyện, có tổ chức lễ
cưới theo phong tục tập quán và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ L, huyện
V N, tỉnh Khánh Hòa. Cuộc sống chung của vợ chồng hòa thuận hạnh phúc
đến năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng không hợp
nhau, luôn bất đồng quan điểm sống nên cuộc sống chung không có hạnh
phúc. Vì vậy, cả hai đã tự sống ly thân nhau. Nay chị Đ và anh H xác định
tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không có hạnh phúc nên
thống nhất thỏa thuận thuận tình ly hôn và đề nghị Tòa án công nhận thuận
tình ly hôn của chị Đ và anh H. Xét thấy, yêu cầu của chị Đ và anh H là hoàn
toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã

hội nên cần chấp nhận yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của chị Lê Thị Đ và anh Phạm Văn H.

[2] Về con chung: Chị Lê Thị Đ và anh Phạm Văn H xác định vợ chồng có 01 con chung là Lê Minh K, sinh ngày 09/08/2020. Khi ly hôn chị Đ và anh H thống nhất thỏa thuận giao con chung là Lê Minh K cho chị Đ có trách nhiệm trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh H có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con 5.000.000đ/tháng. Thời gian cấp dưỡng nuôi con kể từ tháng 9/2023 trở đi cho đến khi con đủ tuổi trưởng thành theo quy định của pháp luật. Xét thấy, sự thỏa thuận của chị Đ và anh H là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội. Vì vậy, cần công nhận sự thỏa thuận về việc nuôi con, cấp dưỡng nuôi con của chị Đ và anh H.

[3] Về tài sản chung và nợ chung: Chị Lê Thị Đ và anh Phạm Văn H xác định vợ chồng không có tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, không đặt ra để xem xét.

[4] Về lệ phí Tòa án: Chị Lê Thị Đ và anh Phạm Văn H thỏa thuận nhận chịu 300.000đ lệ phí giải quyết việc hôn nhân gia đình.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị Đ và anh Phạm Văn H thỏa thuận thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Chị Lê Thị Đ và anh Phạm Văn H thống nhất thỏa thuận giao con chung là Lê Minh K, sinh ngày 09/08/2020 cho chị Đ có trách nhiệm trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh H có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con 5.000.000đ/tháng (*năm triệu đồng*). Thời gian cấp dưỡng nuôi con kể từ tháng 9/2023 trở đi cho đến khi con đủ tuổi trưởng thành theo quy định của pháp luật.

Quyền đi lại thăm nom con, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con; quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con; thay đổi mức cấp dưỡng được thực hiện theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân năm 2015.

- Về tài sản chung và nợ chung: Chị Lê Thị Đ và anh Phạm Văn H xác định vợ chồng không có tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, không đặt ra để xem xét.

2. Về lệ phí Tòa án: Chị Lê Thị Đ và anh Phạm Văn H thỏa thuận nhận chịu 300.000đ tiền lệ phí giải quyết việc hôn nhân gia đình, được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000đ chị Đ và anh H đã tạm nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0012031 ngày 20 tháng 7 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Đà Lạt. Chị Đ và anh H đã nộp đủ lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND thành phố Đ;
- Chi cục THADS thành phố Đ;
- UBND xã Đ L, huyện V N, tỉnh Khánh Hòa;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Đã ký và đóng dấu

Lê Thị Minh Hoà